

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU PHỨC HỢP TRONG PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

## THE COMPLEX RESEARCH METHOD IN THE QUALITATIVE ANALYSIS

Vũ Minh Tâm<sup>1</sup>, Lê Văn Quang<sup>2</sup>

**Tóm tắt** – Phương pháp nghiên cứu tình huống phức hợp là một trong những phương pháp nghiên cứu định tính được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, các nghiên cứu có sử dụng phương pháp này còn tương đối hạn chế do có nhiều dạng cần được xác định để phù hợp với các mục tiêu nghiên cứu. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi giới thiệu những nội dung lý thuyết cơ bản và các bước thực hiện của phương pháp nghiên cứu phức hợp trong phân tích định tính. Bên cạnh đó, để giúp người đọc dễ hiểu và vận dụng được, bài viết minh họa đề tài nghiên cứu với nội dung “Đổi mới trong quan hệ hợp tác giữa nhà cung cấp dịch vụ Third Party Logistics và khách hàng” có sử dụng phương pháp này. Trong đề tài này, chúng tôi đưa ra ba tình huống (1) Nike – APL Logistic; (2) APL Logistic – TBS Logistics; (3) APL Logistic – ICD Tân Cảng Sóng Thần để phân tích nhằm làm rõ các bước của phương pháp nghiên cứu phức hợp.

**Từ khóa:** phương pháp nghiên cứu phức hợp, nghiên cứu tình huống, tình huống Nike – APL Logistic, APL Logistic – TBS Logistics, APL Logistic – ICD Tân Cảng Sóng Thần.

**Abstract** – The complex case study is one of the qualitative research methods applied in many fields. However, studies using this method are limited since various forms need identifying in order to match the research objectives. Within the content of this article, the author introduces the basic theories and steps of the complex case study in qualitative analysis. In addition, in order

to facilitate the clearer understanding and the application, this article illustrates the topic of "innovation in cooperation between third party logistics service providers and customers" using this method. In this article, the author presents three analytical cases: (1) Nike - APL Logistic scenarios; (2) APL Logistic - TBS Logistics; (3) APL Logistic - ICD Tan Cang Song Than to clarify the steps of the complex case study methodology.

**Keywords:** complex research method, case study, Nike case - APL Logistic, APL Logistic - TBS Logistics, APL Logistic - ICD Tan Cang Song Than.

### I. GIỚI THIỆU

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp cung cấp những công cụ để nhà nghiên cứu tiến hành xem xét những hiện tượng phức tạp xảy ra trong một hoàn cảnh cụ thể. Khi được áp dụng một cách thích hợp, phương pháp này có thể giúp đánh giá những dự án, phát triển những giải pháp và củng cố phát triển những lý thuyết [1]. Nghiên cứu tình huống cũng là một trong nhóm các phương pháp nghiên cứu định tính được ứng dụng nhiều trong các nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực từ tâm lý đến quản trị kinh doanh, từ xã hội học đến marketing. Phương pháp này đặc biệt có giá trị ứng dụng trong những lĩnh vực có định hướng thực nghiệm như giáo dục, quản trị công và công tác xã hội [2]. Trên thực tế, nghiên cứu tình huống chính là một cuộc điều tra thực nghiệm, điều tra theo chiều sâu về một hiện tượng đương thời và trong bối cảnh thực sự của nó, đặc biệt khi giữa hiện tượng và bối cảnh có ranh giới không thực sự rõ ràng [3].

Nghiên cứu tình huống thực hiện tìm hiểu và phân tích sâu về bản chất của một mẫu được chọn có chủ đích để qua đó giúp cung cấp một sự hiểu

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Trà Vinh  
Email: tmv1304@gmail.com

<sup>2</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Kinh tế - Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 7/02/2017; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 22/03/2017; Ngày chấp nhận đăng: 10/05/2017

biết tốt hơn về một hiện tượng [4]. Vì thế, mẫu được chọn để nghiên cứu có thể có quy mô nhỏ nhưng vẫn thường được sử dụng nhiều hơn vì nhà nghiên cứu có thể sử dụng phương pháp tương tự để nghiên cứu trên các mẫu khác có quy mô lớn hơn [5].

Phương pháp nghiên cứu tình huống có nhiều dạng cần được xác định phù hợp với các câu hỏi nghiên cứu đã được thiết lập của đề tài. Sự chọn lựa này giúp thực hiện một cách tổng thể mục tiêu nghiên cứu, như mô tả một tình huống, khám phá một tình huống hoặc so sánh các tình huống với nhau. Dựa trên các mục tiêu nghiên cứu này, Yin [6] đã phân loại và mô tả các dạng thức khác nhau của phương pháp nghiên cứu tình huống. Về phân loại gồm các dạng: nghiên cứu giải thích, nghiên cứu khám phá hoặc mô tả; đồng thời, Yin cũng phân loại theo quy mô thành nghiên cứu tình huống đơn (single, holistic study) và nghiên cứu tình huống phức hợp (multi-case study).

Nghiên cứu tình huống phức hợp giúp cho người nghiên cứu khám phá ra sự khác biệt trong và giữa các tình huống. Mục tiêu đạt được minh chứng những phát hiện được lặp đi lặp lại qua các tình huống. Bởi vì sự so sánh sẽ được đưa ra, cho nên các tình huống đòi hỏi phải được chọn lọc một cách cẩn thận, nhờ đó nhà nghiên cứu có thể dự đoán được những kết quả nghiên cứu tương tự giữa những tình huống hoặc dự đoán được kết quả mâu thuẫn với nền tảng lý thuyết đã sử dụng [6].

Trong nghiên cứu tình huống phức hợp, những tình huống được xem xét để hiểu thấu những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng với nhau, những bằng chứng được đưa ra phải có độ tin cậy và mạnh mẽ... Vì thế, phương pháp này đòi hỏi tốn nhiều thời gian và chi phí để tiến hành.

## II. NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG PHỨC HỢP: MỘT ỨNG DỤNG NGHIÊN CỨU VỀ SỰ ĐỔI MỚI TRONG QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ LOGISTIC VÀ KHÁCH HÀNG

Trên thực tế nghiên cứu các đề tài của luận văn cao học kinh tế, học viên thường sử dụng phương pháp phân tích định tính để thực hiện các mục đích nghiên cứu như đề xuất giải pháp, xây dựng chiến lược, hoàn thiện chiến lược hoặc xây

dựng các giải pháp thực hiện chiến lược... Ngoài trừ một số ít đề tài nghiên cứu có ứng dụng lý thuyết phát triển cụm ngành (cluster) trong phạm vi nghiên cứu, những đề tài nghiên cứu có mục tiêu nghiên cứu này thường thể hiện một số đặc điểm chung như sau:

- Thực hiện nghiên cứu trên một chủ thể riêng biệt (single study)
- Nghiên cứu thực hiện thu thập dữ liệu liên quan đến hiện tượng trong quá khứ
- Các kết quả nghiên cứu giới hạn ứng dụng trong chủ thể nhất định

Những đặc điểm chung nói trên cũng đã cho thấy khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên chưa đa dạng và phù hợp. Vì thế, nó đã hạn chế đến phạm vi chọn lựa đề tài nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, cũng như chất lượng khoa học thể hiện trên khả năng nghiên cứu z nghiên cứu mang tính tổng quát (holistic) hơn thay vì chuyên biệt (embedded).

Phương pháp nghiên cứu tình huống phức hợp, nghiên cứu về sự đổi mới được khởi lập và phát triển trong sự hợp tác giữa nhà cung cấp dịch vụ và khách hàng, sẽ được đề xuất như một điển hình về khả năng ứng dụng giúp học viên cao học mở rộng phạm vi nghiên cứu và trình tự thực hành quy trình nghiên cứu.

### A. Giới thiệu đề tài nghiên cứu

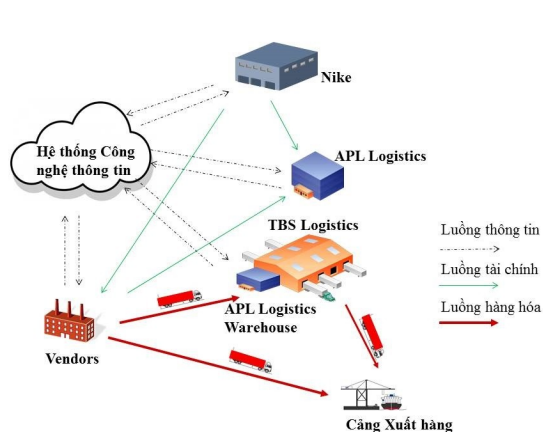
Đề tài nghiên cứu: Đổi mới trong quan hệ hợp tác giữa nhà cung cấp dịch vụ Third Party Logistics (TPL) và khách hàng.

Mục tiêu chung:

Nghiên cứu sự đổi mới trong quan hệ hợp tác giữa nhà cung cấp dịch vụ TPL và khách hàng; từ đó, chúng tôi đề xuất những kiến nghị và định hướng cho các doanh nghiệp (DN) Logistics Việt Nam đổi mới để nâng cao khả năng cạnh tranh.

Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu tình huống trong thực tế về quá trình đổi mới hình thành trong mối liên kết hợp tác giữa TPL với khách hàng.
- Xem xét những yếu tố nào ảnh hưởng đến một dự án đổi mới trong mối quan hệ hợp tác giữa TPL và khách hàng.
- Đề xuất các giải pháp giúp cho DN Logistics của Việt Nam đổi mới để nâng cao khả năng cạnh tranh cùng các DN Logistics nước ngoài.



Hình 1: Mô hình Logistics của Nike được thực hiện bởi APL Logistics trong dự án tại Việt Nam [7]

**B. Phương pháp nghiên cứu**

Từ mục tiêu nghiên cứu trên, bài viết kế thừa nghiên cứu của Wagner & Sutter [8], sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống phức hợp. Phương pháp này giúp nhà nghiên cứu có thể có được bức tranh với nhiều chi tiết hơn và đa chiều của đối tượng nghiên cứu, qua đó khai thác sâu các thông tin mang tính chất bên trong của đối tượng nghiên cứu, những dữ liệu này không thể khai thác bằng cách khảo sát thông thường của nghiên cứu định lượng.

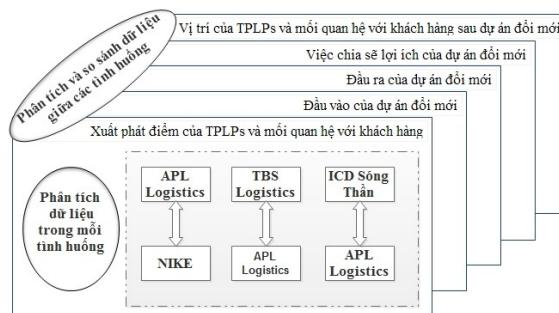
Một cách cụ thể đối với đề tài này, phương pháp nghiên cứu tình huống phức hợp sẽ tập trung vào sự giao cắt của ba khía cạnh:

- Mối quan hệ giữa các DN Logistic cấp ba với nhau (TPLPs)
- Sự đổi mới khởi phát trong quá trình hợp tác giữa nhà cung cấp dịch vụ và khách hàng
- Dịch vụ logistic cấp 3 (TPL)

**C. Trình tự thực hành nghiên cứu tình huống phức hợp**

Dựa trên nghiên cứu của Wagner & Sutter [8], nghiên cứu này trải qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1: phân tích thông qua dữ liệu của một tình huống (Within-Case Analysis), đây là việc phát triển và mô tả tình huống giúp cho nhà nghiên cứu làm quen với dữ liệu, đồng thời tạo ý tưởng sơ bộ cho các phần sau [9].



Hình 2: Khung phân tích [8], [7]

- Giai đoạn 2: phân tích thông qua việc so sánh dữ liệu của các tình huống với nhau (Cross-Case Analysis) để xem sự tương đồng và khác biệt giữa các tình huống với nhau. Các bước phân tích được thể hiện như khung phân tích Hình 1. Các bước phân tích giúp thực hiện được các mục tiêu:

- (i) Nhà nghiên cứu có thể nắm được xuất phát điểm của mối quan hệ giữa TPLPs và khách hàng
- (ii) Thấu hiểu thực tiễn về những gì đã xảy ra trong toàn bộ mối quan hệ hợp tác, từ lúc bắt đầu thực hiện dự án đổi mới, đầu vào của dự án hợp tác, kết quả và lợi ích thu được của dự án đổi mới.
- (iii) Xác định được vị trí mới của TPLPs trong mối quan hệ hợp tác với khách hàng sau khi có dự án.

- Giai đoạn 3: tổng hợp kết quả của hai bước phân tích, bao gồm việc đưa ra các nhân tố xuất hiện và thúc đẩy đến dự án đổi mới trong mối quan hệ với khách hàng, từ đó đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp Việt Nam đổi mới nâng cao năng lực cạnh tranh.

**D. Phân tích dữ liệu bên trong của một tình huống (within case analysis)**

Trong bước phân tích này, từng mối quan hệ hợp tác giữa các nhà cung cấp và khách hàng được thu thập dữ liệu và trình bày tất cả những diễn biến có tính lịch sử cùng với nội dung và hình thức của các sản phẩm dịch vụ mà các bên trao đổi với nhau, như sau:

**1) Phân tích so sánh dữ liệu giữa các tình huống (Cross – case analysis)**

- a) Vị trí TPLPs và mối quan hệ với khách hàng trước khi có dự án đổi mới

Tình huống 1: NIKE – APL Logistic

Thời điểm hợp tác	Nội dung hợp tác	Sự đổi mới	Kết quả
2001	APL cung cấp kho bãi và dịch vụ hậu cần	- Xây dựng kho CFS tại ICD Tân cảng - Ứng dụng ACS123	Phát triển công nghệ logistic kiểm soát đơn hàng
2006	APL cung cấp kho bãi + Logistic	Xây dựng hệ thống Shipment Planning System-SPS	Giảm cước phí và tăng hiệu suất phân phối... nhờ quá trình ra quyết định nhanh chóng
2008	APL cung cấp kho bãi + Logistic, Nike huấn luyện và phát triển hệ thống	Triển khai công cụ Auto Release	- Giảm thời gian kiểm tra lô hàng từ 5% đến 15% - Giao hàng đúng, đủ - Nâng cao tỉ lệ lấp đầy container
2009	Nike yêu cầu APL nâng cấp công cụ quản lý nhằm tối ưu hóa hoạt động	Phát triển hệ thống Shipment Optimizer – SO	- Tự động lựa chọn tuyến đường và thời gian vận chuyển - Tối ưu hóa chi phí
Từ 2014 đến nay...	Yêu cầu đổi mới – sáng tạo để bắt kịp nhu cầu khách hàng	Xây dựng Logistic Super Suite –LSS	Nền tảng duy nhất cho tất cả các nhu cầu của khách hàng

Tình huống 2: APL Logistic – TBS Logistics

Thời điểm hợp tác	Nội dung hợp tác	Sự đổi mới	Kết quả
2009	APL chuyển một phần hàng hóa của Nike từ ICD Tân cảng sang ICD TBS	TBS và APL huấn luyện và chuyển giao quy trình logistic	Thành công
2015	APL chuyển toàn bộ hàng hóa của Nike từ ICD Tân cảng sang ICD TBS	- TBS xây dựng thêm kho và nâng công suất từ 7.000m <sup>3</sup> lên 45.000m <sup>3</sup> - Xây dựng phần mềm quản trị kho vận	Mâu thuẫn giữa quy trình cũ và mới
7-2015	- Bắt đầu chuyển hàng - Lượng hàng hóa tăng lên 5 lần	- Phát sinh tăng ca do hiệu suất giảm 50% - Dữ liệu kiểm soát bị tắc nghẽn - Phát sinh sai sót do nhân viên mới	- Phản hồi tiêu cực từ nhà máy - Nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng
2-2016	APL yêu cầu thay TBS thay quản lý kho CFS	- Áp dụng quy trình quản trị mới và phần mềm quản lý kho WMS - APL cùng tham gia với TBS xử lý và chia sẻ kiến thức - Triển khai 5S quản lý chất lượng	- Chỉ số đánh giá công việc đạt 98% - Năng lực dỡ hàng đạt 1,5 giờ - Thấp hơn chỉ tiêu 2 giờ - Kho CFS vượt qua các chỉ tiêu kiểm soát

Dựa trên khung khái niệm ở Hình 2, phân tích vị trí của các TPLPs và mối quan hệ giữa TPLPs với khách hàng trước khi các dự án hợp tác được tiến hành.

*b) Nguồn gốc thực hiện của dự án đổi mới*

Phân tích những nguyên nhân thúc đẩy thực hiện các dự án hợp tác giữa các thành viên trong ba tình huống nghiên cứu nhằm xác định được bản chất của sự đổi mới được hình thành từ nhu cầu đáp ứng các mục tiêu kinh tế như sau:

*c) Đầu vào và đầu ra của dự án đổi mới*

Trong tất cả các tình huống, các bên đều tham

gia vào đóng góp cho các dự án, trong phần này, tác giả sẽ phân tích về sự đóng góp của các bên trong các dự án về: vốn đầu tư, kiến thức, và tạo ra cơ hội kiểm nghiệm sự đổi mới cũng như những kết quả của sự đầu tư của các bên tham gia hợp tác [8].

*d) Chia sẻ lợi ích từ dự án đổi mới*

Phân tích cách thức lợi ích đem lại thông qua hợp tác và đổi mới được chia sẻ giữa các thành viên thông qua các hình thức kinh tế cũng như những điều kiện thuận lợi giúp cho thành viên dễ dàng hơn trong việc thực hiện các mục tiêu của

Tình huống 3: APL Logistic – ICD Tân Cảng Sóng Thần

Thời điểm hợp tác	Nội dung hợp tác	Sự đổi mới	Kết quả
2013	APL chuyển giao từng phần các thủ tục nhập hàng	Nhập hàng thông qua một cửa duy nhất ICD ST thay vì qua ASACO	Thành công
2014	ASACO chuyển giao hoạt động giao nhận qua ICD ST	- ASACO giữ lại kiểm đếm, kiểm container như nhà thầu phụ của ICD ST - ICD ST cung cấp dịch vụ vận tải container cho APL Logistic	Thành công
2015	ICD ST nhận chuyển giao toàn bộ từ ASACO	- Không có một cải tiến nào áp dụng - Cơ sở vật chất xuống cấp - Quy trình làm việc trì trệ	- Không kiểm soát được quá trình làm việc của công nhân - An toàn lao động thấp - Chỉ số đánh giá công việc không trung thực
7-2015	APL yêu cầu cải thiện hoạt động cung cấp dịch vụ logistic	- ICD ST không thực hiện hoặc đổi phỏ - Xuất hiện chi phí ngầm đối với nhà máy giao hàng trễ, sai quy trình - Trễ container thường xuyên do sản lượng tăng dịch vụ không cải thiện.	APL Logistic chấm dứt hợp tác và chuyển toàn bộ hàng hóa của Nike về TBS Logistic

Tình huống	Vị trí xuất phát trước dự án hợp tác	Mối quan hệ trước dự án hợp tác
NIKE – APL Logistic	Nhà cung cấp Logistic cơ bản	Hợp đồng TPL
APL Logistic – TBS	Cho thuê đất	Hợp đồng dịch vụ dài hạn
APL Logistic – ICD ST	Cho thuê kho bãi	Hợp đồng dịch vụ ngắn hạn

Tình huống	Người khởi xướng	Nguồn gốc đổi mới
NIKE – APL Logistic	NIKE	- Mở rộng hợp đồng TPL - Đáp ứng nhu cầu sản lượng hàng hóa - Tối ưu hóa chi phí - Đáp ứng nhu cầu của khách hàng
APL Logistic – TBS	APL Logistic	- Mở rộng hợp đồng dịch vụ dài hạn - Đáp ứng nhu cầu của khách hàng
APL Logistic – ICD ST	APL Logistic	- Mở rộng hợp đồng dịch vụ - Đáp ứng nhu cầu của khách hàng

chiến lược phát triển.

*e) Vị trí của TPLPs và mối quan hệ với khách hàng sau dự án đổi mới*

Nghiên cứu sự thay đổi của các TPLPs trên hai khía cạnh: vị trí của thành viên trong chuỗi cung ứng dịch vụ và mức độ hợp tác thể hiện qua mối quan hệ của nhà cung cấp dịch vụ, cụ thể là sự tham gia sâu vào chuỗi cung ứng cũng như tích hợp với khách hàng để trở nên một thành viên của hệ thống.

2) *Tổng hợp kết quả từ phân tích bên trong tình huống và so sánh giữa các tình huống:* Những nhân tố xuất hiện và thúc đẩy dự án đổi mới trong quá trình hợp tác giữa TPLPs và khách hàng:

- Tăng cường và củng cố các mối liên kết giữa nhà cung cấp với khách hàng.

- Phát triển sự tin cậy và cam kết của hai bên về ba vấn đề vốn, kiến thức và cơ hội thử nghiệm nhằm thúc đẩy sự đổi mới.

- Gia tăng khả năng hợp tác và làm việc nhóm giữa đội ngũ nhân viên của TPLPs và khách hàng.

- Thúc đẩy thiết kế, triển khai sản phẩm dịch vụ mới và khuyến khích áp dụng kết quả dự án cho các khách hàng khác.

Tình huống	Đầu vào	Đổi mới	Đầu ra
NIKE – APL Logistic	- Vốn đầu tư: các khoản tiền và tài sản, phương tiện, phần mềm công nghệ thông tin...	- Xây dựng công nghệ phục vụ - Phối hợp kiểm tra hoạt động logistic	- Đổi mới dịch vụ và quy trình - Sử dụng dịch vụ và quy trình mới cho khách hàng khác - SO tối ưu hóa thời gian và chi phí
APL Logistic – TBS	- Kiến thức: * Tương tác giữa nhân viên	- Thay đổi quy trình - Đổi mới dịch vụ	- WMS nâng cao hiệu suất kho
APL Logistic – ICD ST	giúp chuyển giao kiến thức * Làm việc chung giúp nắm vững quy trình	- Thay đổi quy trình - Đổi mới dịch vụ	- Không duy trì được hiệu suất làm việc do quản lý yếu kém

Tình huống	Lợi ích kinh tế	Lợi thế so sánh
NIKE – APL Logistic	Thống nhất giá cả đối với các sản phẩm dịch vụ trong Hợp đồng cung cấp	- SPS và SO giúp gia tăng lợi thế trong thỏa thuận - Tạo ra tính mới của sản phẩm dịch vụ
APL Logistic – TBS		- Tăng thêm doanh thu từ các sản phẩm DV đi kèm theo dự án
APL Logistic – ICD ST		

Tình huống	Vị trí sau dự án hợp tác	Lợi thế so sánh
NIKE – APL Logistic	- Tiêm cận với nhóm TPLPs tích hợp dịch vụ vào khách hàng	- Hợp đồng DV Logistic tích hợp - Kiểm soát toàn bộ quá trình cung ứng từ nhà máy đến kệ trưng bày
APL Logistic – TBS	Trở thành TPLPs thích ứng với nhu cầu khách hàng	- Đảm nhận hầu hết các hoạt động hàng ngày tại kho CFS của APL Logistic - Đáp ứng nhu cầu của khách hàng
APL Logistic – ICD ST	Hợp đồng dịch vụ logistic cơ bản	- Tập trung phát triển các dịch vụ cơ bản hướng đến các khách hàng khác

### III. CÁC BƯỚC CƠ BẢN TRONG THỰC HÀNH PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG PHỨC HỢP

Phương pháp phân tích tình huống phức hợp giúp cho nhà nghiên cứu có được sự hiểu biết sâu hơn từ cách xem xét hiện tượng với nhiều góc độ và từ nhiều mốc thời gian khác nhau... Quan trọng hơn cả là các kết quả phân tích được so sánh với nhau, nhờ đó bản chất của hiện tượng được phản ánh một cách khái quát hơn, tính đại diện cao hơn giúp cho giải pháp có độ tin cậy tốt cũng như khả năng ứng dụng rộng rãi hơn.

Tuy nhiên, ngoài những nhược điểm chung của phương pháp phân tích tình huống, phương pháp phức hợp cũng có những hạn chế như quy trình nghiên cứu không đồng nhất; tốn nhiều thời gian và công sức; phương pháp thu thập dữ liệu khó thực hiện trên quy mô rộng...Do đó, để nâng cao những ưu điểm của phương pháp này, ngoài yêu cầu tiên quyết là chất lượng của quá trình chọn

mẫu (tình huống), các nội dung nghiên cứu cần đáp ứng một số bước thực hành cơ bản như sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết một cách đầy đủ giúp xây dựng nền tảng lý luận phù hợp
- Chọn lựa các tình huống và thiết kế khung nghiên cứu cùng phương pháp thu thập dữ liệu
- Tiến hành nghiên cứu thực nghiệm
- Trình bày kết quả nghiên cứu của từng tình huống
- Phân tích và diễn giải các kết luận từ phân tích so sánh giữa các tình huống (Cross-Case analysis)
- Đối chiếu kết luận từ phân tích so sánh với lý thuyết cơ sở
- Trình bày kết quả nghiên cứu

## IV. KẾT LUẬN

Phương pháp nghiên cứu đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu khoa học nói chung và thực hiện luận văn cao học nói riêng. Sự thành công của một kết quả nghiên cứu thể hiện qua khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu về phương diện lí luận cũng như khoa học. Trong ý nghĩa đó, phương pháp nghiên cứu được xem như phương tiện để đạt được đầy đủ mục tiêu nghiên cứu đề ra. Mặt khác, chọn lựa phương pháp nghiên cứu thích hợp cũng giúp cho nhà nghiên cứu thêm khả năng chọn lựa phạm vi nghiên cứu rộng hơn, đa dạng hơn... Phương pháp phân tích tình huống phức hợp được đề xuất là một công cụ đặc lực để thực hiện các yêu cầu của chương trình đào tạo cao học kinh tế, không chỉ mang ý nghĩa giúp thực hiện luận văn tốt nghiệp có hàm lượng khoa học cao mà còn trang bị thêm khả năng nghiên cứu độc lập của học viên là giá trị chất lượng đào tạo của chương trình đào tạo cao học kinh tế hướng đến.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Pamela Baxter, Susan Jack. Qualitative Case Study Methodology: Study Design and Implementation for Novice Researchers. *Mc Master University, West Hamilton, Ontario, Canada*. 2008 December;13(4):544–559.
- [2] Adrijana, Biba Starman. The Case Study as a type of qualitative research. *Journal of Contemporary Educational Studies*. 2013.
- [3] Yin R K. *Case Study Research: Design and Methods*. 4th ed. Sage Publications: Thousand Oaks, CA; 2009.
- [4] Racino A J. *Policy, Program Evaluation and Research in Disability: Community Support for All*. London: Haworth Press; 1999. ISBN 0-7890-0597-2.
- [5] Braddock D, Bachelder L, Hemp R, Fujiura G. *The State of the States in Developmental Disabilities*. 4th ed. Washington, DC: American Association on Mental Retardation; 1995.
- [6] Yin R K. *Case Study Research: Design and Methods*. 3rd ed. Sage Publications: Thousand Oaks, CA; 2003.
- [7] Lê Văn Quang. *Đổi mới trong quan hệ hợp tác giữa nhà cung cấp dịch vụ Third Party Logistics và khách hàng* [Luận văn Thạc sĩ]; 2016.
- [8] Stephan M Wagner, Reto Sutter. A Qualitative Investigation of Innovation Between Third-Party Logistic Providers and Customers. *International Journal of Production Economics*. 2012.
- [9] Nguyễn Đình Thọ. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. NXB Lao động – Xã hội; 2011.